

ĐIỆN THỜ TƯ GIA

MỘT HÌNH THỨC TÍN NGƯỠNG DÂN GIAN TRONG XÃ HỘI HIỆN ĐẠI

(qua khảo sát tại Hà Nội)

LÊ THỊ CHIÊNG^(*)

Trong thời gian gần đây, đời sống tín ngưỡng tôn giáo Việt Nam sôi động hẳn lên. Trong khi các tôn giáo truyền thống hồi sinh với sức sống mới, các dạng thức tôn giáo mới cũng nở rộ. Theo thống kê của các cơ quan chức năng, từ năm 1980 trở lại đây, ở nước ta xuất hiện 60 hiện tượng tôn giáo mới⁽¹⁾, trong đó có những hiện tượng khá phổ biến như Long Hoa Di Lặc, Ngọc Phật Hồ Chí Minh, Tiên Phật Nhất giáo, đạo Thánh Mẫu, đạo Trần Hưng Đạo, đạo Tiên, đạo Tâm linh dân tộc, v.v...

Có lẽ sinh hoạt tín ngưỡng tôn giáo sôi động hơn cả phải kể đến Hà Nội (nội thành). Hầu hết các gia đình đều quan tâm đến vấn đề này. Cứ nhìn các mặt hàng như hương, hoa, quả vào hai dịp đầu và giữa tháng âm lịch là thấy rõ. Tại các chợ, số lượng người bán hoa, quả, vàng hương, v.v... tăng vọt. Đó là chưa kể đến số người bán hàng rong len lỏi vào từng ngõ phố, tập thể và chung cư. Người ta thực hiện hành vi tôn giáo ở nhiều nơi như chùa, đền (phủ) và tại nhà riêng. Có một số khá đông đến các *điện thờ tư gia*. Hiện tượng này gần như không có vào thời gian vài ba chục năm về trước. Vậy điều gì khiến *điện thờ tư gia* trở nên hiện tượng tôn giáo hấp dẫn một bộ phận cư dân? Bài viết này giới thiệu một số điện thờ tư gia mong làm sáng tỏ một trong những hiện tượng tín ngưỡng tôn giáo thú vị hiện nay.

Điện thờ tư gia là một cơ sở thờ tự mang tính cá nhân, đặt trong gia đình nhưng có ảnh hưởng xã hội nhất định, tức là có tín đồ. Nói cách khác, có một số người tin vào chủ điện nên đã lui tới để thực hành các nghi lễ tôn giáo như ở các cơ sở công cộng.

1. Cơ sở xuất hiện điện thờ tư gia

Lịch sử nhân loại cho thấy mỗi khi có biến động chính trị xã hội, tôn giáo thường phát triển mà trước hết là sự xuất hiện các hiện tượng tôn giáo mới. Sự ra đời của Kitô giáo vào đầu Công nguyên ở đế quốc La Mã, Islam giáo trên bán đảo Ả-rập vào thế kỉ VII, cải cách tôn giáo thời kì Phục Hưng ở Tây Âu, và các hiện tượng tôn giáo mới cuối thế kỉ XX là những minh chứng.

Sau khi đánh thắng quân Nguyên vào thế kỉ XIII, đất nước Việt Nam được thanh bình. Đây là điều kiện để đời sống tinh thần phát triển. Nhiều trí thức nghiên cứu, quảng bá đạo Phật và kết quả là Thiền phái Trúc Lâm ra đời. Đến thế kỉ XVI, cuộc nội chiến Lê - Mạc - Trịnh diễn ra ác liệt khiến cốt nhục tương tàn, nòi da xáo thịt. Yêu cầu bức thiết lúc này là cần chấm dứt chiến tranh - nội

^{*} NCS., Viện Nghiên cứu Tôn giáo.

1. Nguyễn Hồng Dương *Tôn giáo trong mối quan hệ văn hoá và phát triển*, 2004.

chiến, đem lại sự bình yên cho đất nước, giảm đau thương cho muôn nhà. Lúc đó hình tượng và những truyền thuyết về bà Chúa Liễu đã xuất hiện. Bà đã trở thành một trong những biểu tượng tinh thần cho tình đoàn kết thương yêu và việc thờ Mẫu đã được phát triển lên thành một tín ngưỡng. Cuối thế kỉ XIX đầu XX khi thực dân Pháp xác lập quyền cai trị ở Việt Nam, Nho giáo không còn thích hợp là chỗ dựa tinh thần cho chính quyền nhà Nguyễn trong sự đối mặt với kẻ thù. Công giáo mới được truyền vào lại gắn liền với kẻ xâm lược nên khó có thể dung nạp. Nhà Nguyễn buộc phải quay về với tinh thần dân tộc, cầu sự gia hộ của thần linh bằng cách cấp sắc phong thần. Thần linh lại được dịp bùng khởi khiến xuất hiện hiện tượng các ông Đạo ở Nam Bộ. Công cuộc Đổi mới từ 1986 lại là điều kiện để các dạng thức tôn giáo mới phát triển như Long Hoa Di Lặc, đạo Chân Không ở Nghệ An, và có lẽ khá nổi bật nữa là *hiện tượng Điện thờ tư gia*. Vậy *Điện thờ tư gia* xuất hiện trên những cơ sở nào?

Cuộc chiến tranh giải phóng đất nước kéo dài 30 năm đã cuốn hút cả một thế hệ vào đó. Tất cả đã sống, chiến đấu vì Tổ Quốc. Đúc tin của người dân khi này đặt vào Tổ quốc và nhà ai cũng có bàn thờ Tổ quốc. Chiến đấu để giải phóng đất nước tiến tới xây dựng Chủ nghĩa Xã hội là lí tưởng của mọi người và tư tưởng Mác-Lênin và Chủ nghĩa Cộng sản là linh hồn của cuộc cách mạng giải phóng dân tộc. Sống trong không khí “mỗi người vì mọi người, mọi người vì một người”, ai cũng thấy tinh thần quá đầy đủ, niềm tin thật chắc chắn, tất cả vì sự nghiệp giải phóng Miền Nam, giải phóng đất nước. Lúc này, lí tưởng của muôn người như một, sự tôn thờ của tất cả là như nhau và Tổ quốc là vị thần tối cao để người ta tôn thờ, vì đó mà hi sinh chứ không cầu xin. Chiến tranh với chết chóc đau thương, đói nghèo nhưng con người thật lạc quan, tin yêu

nhau. Chính tinh thần lạc quan, niềm tin yêu lẫn nhau đã khiến con người được thoả mãn về mặt tinh thần.

Cuối thập niên 70 và những năm 80 của thế kỷ XX là giai đoạn phục hồi sau chiến tranh, đất nước ta đứng trước những khó khăn rất lớn về kinh tế. Đảng và Nhà nước đã sáng suốt tiến hành công cuộc Đổi mới. Công cuộc Đổi mới diễn ra toàn diện trên tất cả các lĩnh vực kinh tế, chính trị, tư tưởng văn hoá, đặc biệt là quá trình dân chủ hoá. Ý thức về dân chủ đã mở ra tầm nhìn mới của mỗi người về nghĩa vụ và quyền lợi cá nhân. Khẩu hiệu “hãy tự cứu lấy mình” của cố Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Việt Nam Nguyễn Văn Linh đã góp phần tích cực cho ý thức cá nhân của mỗi người Việt Nam lớn lên. Để “tự cứu” được mình thì không thể trông cậy vào những gì đang có, mọi người cần tìm kiếm những nhân tố mới.

Xu trào này cuốn hút hầu như từ cán bộ đảng viên, thậm chí cán bộ cao cấp, đến thường dân. Nhà nhà, người người “tự cứu” đã đưa đến tình trạng phổ biến là xuất hiện rất nhiều các loại hình tệ nạn xã hội, đặc biệt “tham nhũng trở thành quốc nạn”. Đây là nguyên nhân khiến một bộ phận nhân dân dao động niềm tin. Bước quá độ từ chế độ bao cấp sang “tự cứu” khiến bộ phận lớn cư dân không biết “tự cứu” trở nên dễ bị tổn thương, mất phương hướng. Họ buộc phải tìm kiếm chỗ dựa tinh thần mới. Đây là cơ hội tốt để tôn giáo phát triển.

Cũng vào thời điểm này, trên nhiều vùng đất nước xuất hiện nhiều người có khả năng đặc biệt như Đỗ Bá Hiệp, Phan Thị Bích Hằng, Nguyễn Văn Chiêu, Tôn Nữ Hoàng Hương, Nguyễn Thị Nguyễn, Nguyễn Thị Phương, Nguyễn Văn Liên, v.v... và hàng trăm chủ điện thờ tư gia khác. Mỗi người có một số khả năng riêng biệt và biểu hiện khả năng ấy cũng khác biệt nhau. Nổi trội hơn cả là khả năng gọi hồn và tìm mộ đáp ứng

nhu cầu tâm linh của đông đảo gia đình liệt sĩ hi sinh vì Tổ quốc.

Đồng thời, chính sách tự do tín ngưỡng tôn giáo của nhà nước cho phép những người có khả năng đặc biệt tự đáp ứng nhu cầu thực hành tâm linh của mình bằng việc lập *Điện thờ tư gia*.

2. Các loại hình *Điện thờ tư gia* tại Hà Nội hiện nay

Các loại hình tín ngưỡng tôn giáo của *Điện thờ tư gia* rất phong phú. Do vậy, Muốn phân loại điện thờ tư gia, trước hết phải khảo sát chúng trên hai phương diện cơ bản: điện thần và văn thỉnh. Do điều kiện hạn chế nên chúng tôi không thể khảo sát được tất các điện thờ hiện có của Hà Nội (cả nội và ngoại thành), thậm chí trong một quận hay huyện. Chúng tôi chỉ khảo sát kỹ được một xã ngoại thành (Kim Nỗ, Đông Anh) và hai phường nội thành (Cát Linh và Giảng Võ). Với 3 đơn vị: 2 phường nội thành và một xã ngoại thành cho thấy từng làng, tổ dân phố đều có hơn một *Điện thờ tư gia*. Điều này cho thấy *Điện thờ tư gia* là hiện tượng khá phổ biến. Do những lí do riêng tư và chưa được công nhận về mặt pháp lí nên một số chủ điện thờ không đồng ý cho công bố tên, địa chỉ chính xác.

Qua khảo sát 57 *Điện thờ tư gia* (trong đó Hà Nội: 55 Hải Dương: 1, Hải Phòng: 1) chúng tôi thấy việc phân loại chúng không đơn giản. Có những điện thờ chỉ có tượng (tranh), có nơi chỉ dùng bát hương; hoặc chỉ có tranh (tượng) Phật trên ban thờ nhưng khi tế lễ họ lại thỉnh mời tất cả từ Phật Tổ đến thần linh thổ địa. Do vậy, xác định loại hình tín ngưỡng tôn giáo của chủ điện là việc rất khó.

Tuy nhiên, chúng tôi thử lấy 3 tiêu chí sau để phân loại: 1) tự khẳng định của chủ nhân (từ đức tin của họ sau khi “gặp gỡ” chư vị; 2) tượng thần và lô hương trên thần điện; 3) văn thỉnh.

Thực tế chúng tôi thấy không có một điện thần nào là thuần theo một loại hình tín ngưỡng tôn giáo cụ thể. Cho nên, khi phân loại cần dựa vào tính trội của thần điện. Nếu trên thần điện tính trội là Chư vị Tứ phủ chúng tôi xếp vào điện Mẫu; nếu trội là Phật, chúng tôi xếp vào điện Phật; nếu trội là Thánh Trần thì gọi điện Thánh Trần; nếu thờ nhân vật lịch sử là điện thờ Danh nhân.

Căn cứ những tiêu chí trên đây chúng tôi xếp các điện thờ đã được khảo sát thành 5 loại: điện Phật, điện Mẫu, điện nhà Trần, điện Danh Nhân, đạo Thiên đình. Đạo Thiên đình là tên gọi của một số điện thờ nhưng nằm ngoài tính trội của 4 loại. Mặc dù xét trên thần điện chỉ có tượng phật Adidà, nhưng không thể gọi là điện Phật vì khi cáo lễ họ thỉnh mời hầu như tất cả chư vị thần của các TNTG, trừ Thánh Allah của Islam giáo).

Kết quả khảo sát phân loại điện thờ tư gia đưa lại một số nhận xét sau:

1. Số loại: có 7/57 điện Phật; 2/57 Thánh Trần; 25/57 điện Mẫu; 2/57 Danh nhân; 1 đạo Thiên đình; 7 điện thờ tổng hợp; 3 tổng hợp (tính trội là Mẫu; 8 hỗn dung Phật Mẫu; 2/57 Thánh Trần-Mẫu.

2. Cách bài trí và bố cục điện thần rất khác nhau tùy thuộc vào không gian và điều kiện và khả năng của từng chủ điện. Điểm chung của từng loại điện là:

Thần điện Mẫu gồm: Tam Mẫu (Thiên, Địa, Thoải), Hội đồng các quan, Chúa Thượng ngàn, Thánh Trần và Cô cậu.

Thần điện Thánh Trần thì Phật và Mẫu chỉ được phối thờ hai bên chính điện.

Nếu là điện thờ Danh nhân cũng được phối thờ thêm Bồ tát hoặc các vị thánh khác.

3. Hầu hết các điện thần ban đầu chỉ có bát hương (1 hoặc 3 bát). Một thời gian sau mới có sự thay đổi. Thông thường, bổ sung thêm tranh tượng, bát hương, hoành phi, câu đối, cuốn thư, v.v... Nhìn

chung sự thay đổi đều theo xu hướng hoành tráng, uy nghi, đẹp hơn. Có điện thờ như phủ Tiên Nương ở phố Cát Linh phát triển phong phú tới mức hơn cả các đền công cộng.

Nhìn chung điện thần của các *Điện thờ tư gia* đều mang tính hỗn dung, không có điện nào thuần nhất. Điện thần hỗn dung (Phật, Thánh Mẫu, Thánh Trần...) là một thuận lợi cơ bản để các tín đồ chỉ cần đến một nơi có thể cầu xin được cả Phật Thánh (Thần). Hơn thế, dường như chủ nhân của *Điện thờ tư gia* còn là cầu nối để tín đồ kết nối với thần linh.

Vì vậy, một công việc tương đối phổ biến trong các *Điện thờ tư gia* là nhận ký gửi bát hương bản mệnh của các con nhang đệ tử (tín hữu). số lượng bát hương ở các điện thờ cũng khác nhau tùy thuộc vào sự tín nhiệm đối với chủ điện. Điện thờ ít có hàng chục, điện thờ nhiều có tới cả trăm. Hiện tượng ký gửi bát hương phổ biến ở nông thôn. Do hoàn cảnh kinh tế eo hẹp người nông dân phó thác căn mệnh mình cho chủ điện để họ tấu đối đến chư vị: sám hối cũng như cầu xin. Họ chỉ cần tới vào dịp đầu năm để đặt tiền đèn hương nhờ chủ điện cúng lễ cầu xin cho cả năm và cuối năm đem vật lễ, tiền về tạ. Như vậy cũng đủ để họ an tâm và tin có sự phù trợ quanh năm. Trường hợp có công việc đột xuất họ đến nhờ chủ điện lễ giúp. Công việc này các cơ sở công không làm được. Đây là một trong những nguyên nhân hấp dẫn một số tín đồ đến với *Điện thờ tư gia*.

3. Tác động của *Điện thờ tư gia* đến các tín đồ

Điện thờ tư gia có nhiều hoạt động hấp dẫn số đông tín đồ bởi nhiều hoạt động, trong đó xem bói và cúng lễ là thu hút đông hơn cả.

Nhu cầu muốn biết về nhà cửa, đất cát, mồ mả, tử vi, vận hạn, công việc làm ăn, cưới hỏi là rất lớn trong dân chúng.

Những nhu cầu này lại chỉ có thể đáp ứng tại các *Điện thờ tư gia*. Kết quả khảo sát cho thấy 34/57 điện làm công việc xem bói. Hầu hết các điện đều cúng lễ cho những người có nhu cầu. Có 2/55 điện thờ chỉ chữa bệnh, không làm việc gì khác. Trong hai điện thờ chữa bệnh thì một trường hợp chẩn bệnh thông qua bắt mạch và điều trị bằng đông dược. Điện thờ còn lại chữa bằng phù phép và tày hươu nước cúng. Cách làm này gần giống như Đạo Giáo dân gian. Chủ nhân của 1/55 chuyên viết kệ thể câu 5 chữ và lục bát để lý giải tư tưởng và giáo lý của đạo Phật.

Mỗi điện thờ có cách thức xem bói riêng. Ông Mão và cậu Thụ xem bằng quả cau tại điện thờ của mình. Người đến xem phải bắt buộc có cau và trầu, nhưng quan trọng là cau. Cần biết bao nhiêu việc thì mang theo bấy nhiêu cau. Tất nhiên là có “lễ vật tùy tâm tín chủ”. Sau khi làm thủ tục nghi lễ, tức lễ “các cụ”, chủ điện bỏ quả cau bỏ để xem. Quả cau được bỏ làm đôi rất cân, “thầy” nhìn vào hai nửa quả cau mà phán. Mỗi quả chỉ xem được một việc.

Ông Minh ở Xuân Đình xem bói bằng đồng tiền Ngân hàng Việt Nam và một tập vé được đánh số như vé trông giữ xe đạp. Người xem bói đến với ông không cần phải làm thủ tục lễ Thánh. Mỗi người đến xem đặt 3 tờ tiền, tráo tập vé như tráo bài, sau đó rút một vé. Trên cơ sở cộng từ số sêri tiền và số vé ông phán việc.

Bà Vinh xem bằng bài tam cúc, bài tây, súc sắc giống như trong bàn cờ cá ngựa. Hiện nay bà còn bấm độn trên bàn tay. Đây là kết quả của nhiều năm theo học lớp dịch học và phong thủy ở Hà Nội. Tôi được biết bà đang chuẩn bị mở lớp dạy về dịch học và phong thủy.

Anh Hùng xem qua bàn cờ Tướng với 32 đồng tiền chính. Người đến xem giữ tiền trong tay, thâm cầu nguyện, không quy định thời gian, sau đó từ từ buông tay cho

tiền rơi xuống trên mặt bàn cờ. Căn cứ vào những đồng tiền rơi vào các vị trí (nước cờ) sắp hay ngửa trên bàn cờ mà nói việc.

Bà Phúc ở Đông Anh dùng sách bói của người xưa. Bà có hai quyển sách bói. Một là *Thiên Đình Định mệnh* còn gọi là *Tử Vi Đại Độn* do tiên tổ nhà chồng để lại. Hai là cuốn về phong thủy do cụ ngoại của mình để lại. Cả hai cuốn đều bằng chữ Hán. Bà đã nhờ một ông đồ dịch ra quốc ngữ và đốt phần chữ Hán để “trả lại các cụ”. Bà cho biết, sách ghi là một chuyện, còn khi xem phải có các Ngài (Thánh) mách bảo thì xem mới đúng được, nếu không thì sẽ có sự trùng lặp ở một số người. Tôi đã chứng kiến trường hợp bà nói cho một người hỏi về tuổi ất Mùi. Tôi ghi chép rồi mượn sách xem lại. Tôi thắc mắc vì thấy những gì bà nói không trùng với trong sách ghi về tuổi ất Mùi. Bà trả lời: “Nếu đọc sách mà ra thì ai cũng mua về đọc, khỏi cần những người như tôi”.

Cô Cúc, cô Kên ở Minh đường Trung Tân xem bằng chiếc lá ngắt từ cây bất kì trong vườn, hoặc mang theo từ nơi khác đến (có thể từ nhà mình). Cô cầm lá cây soi lên và đọc ra những thông tin, thậm chí có thông tin ngoài chủ đích muốn biết của người xem. Một số người khác cũng ở Minh đường Trung Tân lại xem bói bằng cách lập quẻ dịch ngay trên bàn tay hoặc ghi ra giấy. Họ dùng 64 quẻ như Chu Dịch nhưng coi trọng phần Thần dịch.

Bà Oanh chỉ nhìn vào dải tai bên trái, hoặc dùng ảnh cũng phải ảnh rõ tai trái là có thể nói về bản thân người đó và về những gì và những ai liên quan.

Một loại xem bói nữa là xin xăm (xóc thẻ). Ngôn ngữ hiện nay gọi là “xin quẻ thẻ”. Số lượng quẻ thẻ ở mỗi nơi khác nhau: có bộ gồm 50 thẻ (đền Đông Hương, phố Hàng Trống Hà Nội), có bộ 100 (đền Mẫu - Hương Dương linh từ ở thị xã Hưng Yên, Tiên Xá Linh điện ở Tiên Lữ, Hải

Dương, Đình Yên Thái, Hà nội). Hiện nay đang thịnh hành bộ 60 thẻ. Các chủ điện thường mua bộ thẻ ở chùa Quán Sứ.

Như vậy, có ít nhất 7 cách xem bói: 1. dịch; 2. xóc thẻ; 3. xem tướng; 4. xem bằng vật (lá cây, quả cau); 5. xem bằng bài (tứ lơ khơ, tam cúc); 6. xem bằng bàn cờ; 7. bằng ngoại cảm. Có thể gọi xem bói là một kiểu dự báo tương lai, vận hạn.

Mục đích xem bói của mỗi người khác nhau: biết về quá khứ, hiện tại tương lai của cá nhân và gia đình, sự mách bảo của tiên tổ, thánh thần để tránh mọi vận nạn, trừ được tai ách, biết cách giải quyết những công việc cụ thể trong khoảng thời gian ngắn trước mắt, hoặc những việc mang tính đột xuất; tìm nguyên nhân rủi ro và cách khắc phục hậu quả; thậm chí muốn chuyển từ chăn nuôi lợn sang nuôi bò hoặc gà cũng đến điện hỏi xem có thể làm được không; người đang kinh doanh thuận lợi, bỗng chốc không bán được hàng hay không đòi được nợ, trẻ nhỏ kém ăn, chán chơi, người lớn ốm đau mà không tìm ra nguyên nhân cũng đến *Điện thờ tư gia* để xem bói và cúng lễ. Kết quả của việc làm này khó có thể đánh giá. Chỉ biết rằng, nếu không còn độ tin cậy của tín đồ thì điện thờ không còn tác động xã hội. Có thể nói, xem bói là hoạt động phổ biến của các điện thờ và cũng chính hoạt động này quyết định số phận của các *Điện thờ tư gia*: quy mô lớn hay nhỏ, tồn tại lâu hay chóng bị quên lãng.

4. Một số nhận xét

Điện thờ tư gia là một loại cơ sở tín ngưỡng tôn giáo của thủ đô Hà Nội, là hình thức thể hiện tình cảm tín ngưỡng tôn giáo của cá nhân trong phạm vi gia đình nhưng có ảnh hưởng xã hội nhất định. ảnh hưởng xã hội của các *Điện thờ tư gia* rất khác nhau tùy thuộc vào hiệu quả của hoạt động của chủ điện ở hai phương diện: xem bói và ứng nghiệm của việc cúng lễ. Họ đưa lại những dự báo

ngăn cho từng công việc, thậm chí cho từng tuần, từng tháng giúp một số tín đồ bớt đi sự rủi ro, tăng thêm yếu tố thành công. Việc làm này các cơ sở thờ tự công không làm được. Nói cách khác, *Điện thờ tư gia* thoả mãn tâm lý cá nhân, đáp ứng nhu cầu của tín hữu mà các tôn giáo chính thống không thể giải quyết được. Tuy nhiên *Điện thờ tư gia* không thể thay thế các cơ sở tín ngưỡng tôn giáo công cộng. Bản thân các chủ điện thờ vẫn phải đi các đền, phủ, chùa lớn để báo công và thỉnh pháp. Do vậy, *Điện thờ tư gia* giải quyết vấn đề cấp thiết, trước mắt, cơ sở công đáp ứng nhu cầu lớn hơn, đạt tới cứu cánh là giải thoát.

Không thể phủ nhận hiện tượng nhận linh nhập của chủ nhân các *Điện thờ tư gia*. Nhưng nhập như thế nào là điều đáng nói. Trong hiện tượng này thật giả đan xen nhau, đôi khi không phải cố ý mà do sự huyền hoặc, bản thân người nhận linh nhập cũng không phân biệt đâu là linh nhập, đâu là chính mình. Cũng nhiều khi cố ý để làm tăng uy lực của bản thân.

Các *Điện thờ tư gia* đóng vai trò khuyến thiện khá tích cực. Chủ nhân của chúng đem đến cho tín đồ những lời chỉ dạy của thánh mang nội dung khuyên răn điều thiện như dạy cách tu, cách sống, tinh thần dân tộc, yêu nước thương nhau, đoàn kết. Các vị chê người đời phạm tục, nặng vật lể, không chính đạo. Vật lể chỉ cần hương thơm, hoa ngát nước thanh. Tu là gột rửa thân tâm, bỏ tà theo chính, không tranh đua chức quyền, tiền bạc, gây oán, chuốc thù. Tu là thả trước, nạp thanh để hoà đồng với linh khí đất trời, v.v... Hoạt động của các ĐTTG đều hướng về nguồn cội, khơi dậy tinh thần dân tộc bằng việc quyên góp tiền tài vật lực để trùng tu tôn tạo các cơ sở văn hoá tín ngưỡng. Phải thừa nhận, họ có nhiều

đóng góp cho sự hoạt động trở lại của nhiều đền chùa trên nhiều địa phương, kể cả những địa phương nghèo. Với tinh thần, “thay việc mở thêm trại từ bằng việc xây dựng đền chùa mới”, họ đã góp phần làm trong lành xã hội. Một số điện thờ đã tham gia công đức xây dựng chùa đền như chùa Vân Tiêu (Yên Tử), đền Sòng (Thanh Hoá), đền Trung (Hà Tây), đền Quan Tam (Thái Bình), đền Mẫu Đầm Đa, (Hoà Bình), đền Mẫu Âu Cơ (Phú Thọ). Ngoài ra còn công đức tượng, chuông, khánh cho nhiều đền chùa khác. Cho đến nay, chưa thấy *Điện thờ tư gia* gây tổn hại đáng kể gì cho xã hội, ngược lại nó giải toả được bức xúc của một số người thuộc các tầng lớp khác nhau trong xã hội.

Không thể phủ nhận yếu tố mê tín dị đoan của các *Điện thờ tư gia*. Nhưng nếu chỉ quy các chủ điện là thủ phạm lừa gạt thì không khách quan và thiếu công bằng. Phải thừa nhận, không có sự mê tín của tín hữu thì không một chủ điện nào có thể lừa gạt được. Chính tính thực dụng, lòng tham, hám lợi của con người đã làm họ bước từ tỉnh sang mê. Do vậy, nếu trong các *Điện thờ tư gia* có dối trá, lừa gạt thì chuyện lừa gạt kiểu đó không chỉ từ một phía chủ điện. Nếu không có người mê tín không thể tồn tại kẻ lừa gạt. Chuyện mê tín và lừa gạt không chỉ giới hạn trong phạm vi các *Điện thờ tư gia* mà trên toàn bộ đời sống sinh hoạt tín ngưỡng tôn giáo hiện nay.

Về tương lai của *Điện thờ tư gia* chưa thể có kết luận. Tuy nhiên thực tế cho thấy, một số điện thờ chỉ có tác dụng trong thời gian ngắn, số khác phát triển ngày càng lớn, uy tín và ảnh hưởng rộng không chỉ trong địa phương mà cả các tỉnh lân cận như Bến Đạo Thiên đình, Minh Đường Trung Tân, đền Hoà Bình./.